

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CT  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 194/2021/DS-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Phạm Thành Trại**

2/ Ông: **Lê Hoài Phong**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông **Nguyễn Thành Phục** – Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm  
2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
60/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trương Thế L** ; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Thị X** ; Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp BT, xã BT, huyện CT - Tiền Giang.

( Các đương sự có mặt tại phiên tòa )

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2021 cũng như trong biên bản hòa giải  
ngày 22/4/2021, anh Trương Thế L trình bày::

Trước đây con bà X có vay của anh số tiền là 115.000.000đồng không có  
khả năng trả nên đến ngày 17/5/2020 bà X đứng ra nhận số nợ trên về phần bà và  
có làm giấy nợ, thỏa thuận hàng tháng bà X trả 7.000.000đồng vào ngày 15dl. Sau  
khi viết giấy nợ, bà X chỉ trả được 6.000.000đồng và ngưng luôn cho đến nay. Khi  
vay thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng nhưng bà X không có trả lãi.

Nay anh yêu cầu bà X trả số tiền 115.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi  
suất là 20%/năm, yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử, trả một lần.

Trong biên bản hòa giải ngày 22/4/2021, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Trước đây con bà có vay tiền của anh Trương Thế L với số tiền là 25.000.000đồng, bà không biết lãi suất bao nhiêu. Do không tiền trả nên anh L dọa đánh và bắt buộc phải có người bảo lãnh. Giấy vay tiền ngày 17/5/2020 với số tiền 115.000.000đồng là do anh L đọc cho con bà viết có mặt bà, lúc này bà có phản ứng không đồng ý với số tiền trên nhưng anh L đe dọa nếu bà không ký tên vào anh L sẽ cho con bà “biến”, nghe vậy sợ quá nên bà ký tên vào giấy nợ. Sau khi ký tên vào giấy nợ bà trả được 05 tháng, mỗi tháng 7.000.000đồng được số tiền là 35.000.000đồng, khi trả không có làm giấy tờ. Nay bà không đồng ý trả số tiền 115.000.000đồng theo yêu cầu của anh L, bà đã trả 35.000.000đồng trong đó có 25.000.000đồng tiền vốn và 10.000.000đồng tiền lãi.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, qua tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Theo lời trình bày của anh Trương Thế L, vào ngày 17/5/2020 anh có cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền là 115.000.000đồng lãi suất là 3%/tháng thỏa thuận hàng tháng trả 7.000.000đồng nhưng bà X chỉ trả được 6.000.000đồng và ngưng luôn. Theo lời trình bày của bà X, nguồn gốc số tiền vay 115.000.000đồng mà bà đã ký nhận vào ngày 17/5/2020 là từ số tiền vay 25.000.000đồng của con bà do không tiền trả nên anh L dọa đánh và bắt buộc phải có người bảo lãnh. Do sợ nên con bà đã viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của anh L và bà đã ký tên vào là người vay nợ.

[2] Xét thấy, giấy vay tiền ngày 17/5/2020 được thể hiện người đứng tên vay tiền là bà Nguyễn Thị X và bà X cũng thừa nhận chữ viết là do con bà viết có mặt bà và chính bà là người ký tên vào. Hơn nữa theo lời trình bày của bà X từ khi viết giấy nhận nợ bà đã trả cho anh L được 05 tháng tiền như thỏa thuận trong giấy nợ và thời gian từ khi viết giấy nợ cho anh L đến khi anh L khởi kiện bà X cũng không phản ứng gì đối với số tiền mà bà đã ghi nợ cho anh L. Như vậy việc bà X trình bày số tiền 115.000.000đồng trong giấy vay tiền ngày 17/5/2020 thực tế không có mà con bà chỉ vay của anh L số tiền 25.000.000đồng do không tiền trả nên anh L ép buộc bà ký giấy nhận nợ với số tiền 115.000.000đồng là không có căn cứ, lời trình bày này của bà X đã không được anh L chấp nhận, bà X cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy bà X là người có đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình và biết được hậu quả của việc làm đó, hơn nữa giấy nợ này do chính con bà viết và bà ký tên vào thì không thể nói từ số tiền vay 25.000.000đồng của con bà anh L buộc bà phải nhận nợ là 115.000.000đồng và sau khi viết giấy nợ xong bà X cũng đã thực hiện việc trả nợ cho anh L như bà trình bày là 05 tháng, mỗi tháng 7.000.000đồng như thỏa thuận trong giấy vay tiền. Xét lời trình bày trên của bà X chỉ là lời khai nại không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà X mà nhận định bà X có vay của anh L số tiền là 115.000.000đồng là có căn cứ.

[3] Xét lời trình bày của bà X là bà đã trả cho anh L được 05 tháng mỗi tháng là 7.000.000đồng tổng cộng là 35.000.000đồng nhưng anh L cho rằng anh chỉ nhận được 6.000.000đồng, bà X không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà X và nhận định bà X đã trả cho anh L được số tiền là 6.000.000đồng.

[4] Xét thấy, tại Tòa hôm nay anh L yêu cầu bà X trả số tiền 109.000.000 đồng sau khi trừ số tiền 6.000.000đồng bà X đã trả và yêu cầu tính lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 17/5/2020 đến ngày xét xử là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền 109.000.000đồng từ ngày 17/5/2020 đến nay tính tròn là 12 tháng lãi suất được tính như sau:

$$109.000.000\text{đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,66\% / \text{tháng} = 21.712.800\text{đồng}.$$

[5] Xét lời trình bày của bà X, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh L là không phù hợp, Hội đồng xét xử buộc bà X có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền vốn và lãi tổng cộng là 130.712.800đồng trong một thời gian nhất định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điều 463, 466 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thế L.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho anh Trương Thế L số tiền là 130.712.800đồng, thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị X phải chịu là 6.535.600đồng, hoàn lại cho anh Trương Thế L 2.875.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004014 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày anh L yêu cầu thi hành án, nếu bà X chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trương Thị Tuyết Linh**